

Xem toàn bộ từ vựng



garden /'ga:rdn/

khu vườn

They're playing in the garden.

Các bạn ấy đang chơi trong vườn.



gate /geɪt/

cái cổng

Please shut the gate.

Hãy đóng cổng lại.



girl /gɜ:rl/

bé gái

This girl helps her dad.

Bé gái này giúp đỡ bố.



goat /gəʊt/

con dê

This is a goat.

Đây là 1 con dê.

